TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Thanh Long

2. Ông Lê Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết, thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 về việc "Ly hôn"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị C, sinh năm 1983; nơi ĐKTT: Thôn Thọ L, xã Xuân L, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: Ấp 4, huyện Cần Đ, tỉnh Long An.

Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Thọ L, xã Xuân L, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2019, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị C (chị C) trình bày: Chị C và chồng Huỳnh Văn N (anh N) tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên ngày 24/01/2006. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, tiền bạc không có, anh N ghen tuông đánh chị C nhiều lần, đuổi chị C khỏi nhà. Sau đó, chị C bỏ đi làm xa. Chị C cố gắng nhiều lần trở về nhà nhưng anh N không cho chị C về và tiếp tục đánh đập nên chị C bỏ đi làm xa không về, vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm giữa chị C và anh N không còn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên chị C yêu cầu được ly hôn anh N.

Về con chung: Có 03 con chung tên Huỳnh Thị Thiên L– sinh ngày 10/9/2002, Huỳnh Thị Lưu L– sinh ngày 29/10/2004, Huỳnh Thị Phong L– sinh ngày 08/01/2007. Từ thời điểm vợ chồng sống ly thân đến nay, các con sống cùng anh N. Ly hôn, chị C giao 03 con chung cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn anh N, giao các con chung cho anh N nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 750.000đ/cháu/tháng kể từ ngày 05/6/2020 cho đến khi phát sinh các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Bùi Thị C. Về con chung, giao 03 con Huỳnh Thị Thiên L– sinh ngày 10/9/2002, Huỳnh Thị Lưu L– sinh ngày 29/10/2004, Huỳnh Thị Phong L– sinh ngày 08/01/2007 cho anh Huỳnh Văn N nuôi dưỡng, chị C cấp dưỡng nuôi con chung 750.000đ/cháu/tháng kể từ ngày 05/6/2020 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh N thường trú tại Thôn Thọ L, xã Xuân L, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị C, anh N có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Lộc ngày 24/01/2006 đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn chị C trình bày, quá trình chung sống, vợ chồng chị thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị tính tình không hợp, tiền bạc không có, anh N ghen tuông đánh chị nhiều lần, đuổi chị khỏi nhà. Chị nhiều lần trở về nhà nhưng anh N không cho chị về và tiếp tục đánh đập nên chị bỏ đi làm xa không về, vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Theo thông tin địa phương cung cấp, xác nhận chị C và anh N sống ly thân, không ở chung với nhau đến nay 11 năm. Quá trình Tòa giải quyết vụ án, Tòa đã triệu tập hợp lệ anh N nhiều lần nhưng anh N không có mặt trong khi xác minh tại Công an xã Xuân Lộc thì anh N đang sinh sống, làm việc tại địa phương. Do đó, đủ căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ chồng chị C, anh N không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị C.

[3] *Về con chung:* Có 03 con chung tên Huỳnh Thị Thiên L– sinh ngày 10/9/2002, Huỳnh Thị Lưu L– sinh ngày 29/10/2004, Huỳnh Thị Phong L– sinh ngày 08/01/2007. Từ thời điểm vợ chồng sống ly thân năm đến nay, các con sống cùng anh N và bản thân các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng anh N. Xét yêu cầu của chị C, giao 03 con chung cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật và nguyện vọng của các cháu nên HĐXX chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh N không có lời trình bày nên HĐXX không xem xét. Do vậy, chấp nhận sự tự nguyện của chị C, theo đó buộc chị C cấp dưỡng nuôi con chung 750.000đ/tháng/cháu. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ ngày 05/6/2020 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Bùi Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5] *Về án phí:* Nguyên đơn chị Bùi Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Bùi Thị C được ly hôn anh Huỳnh Văn N.

2. Về con chung: Giao 03 cháu Huỳnh Thị Thiên L– sinh ngày 10/9/2002, Huỳnh Thị Lưu L– sinh ngày 29/10/2004, Huỳnh Thị Phong L– sinh ngày 08/01/2007 cho anh Huỳnh Văn N nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị C cấp dưỡng nuôi con chung 750.000đ/tháng/cháu. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ ngày 05/6/2020 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Bùi Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

4. Án phí:

Nguyên đơn chị Bùi Thị C phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng định kỳ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0000388 ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã S, tỉnh Phú Yên nên chị C còn phải nộp 300.000 đồng.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.S (01);
- UBND xã Xuân Lộc (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên